

Số: 42/2024/QĐST-HNGĐ

C P, ngày 06 tháng 8 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 7 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 59/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10/6/2024, về việc “Chia tài sản chung sau ly hôn”.

**XÉT THẤY:**

Thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận hoà giải thành về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1983;

**Bị đơn:** Anh Triệu Văn Đ, sinh năm 1979;

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Anh Triệu Anh T, sinh năm 2000.

Cùng cư trú tại: Xóm NT, xã N, huyện C P, tỉnh HB.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Chị Nguyễn Thị M, anh Triệu Văn Đ và anh Triệu Anh Tuấn tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận cụ thể như sau:

Tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 04, diện tích 896,7m<sup>2</sup>. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 599490, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00177, do UBND huyện C P, tỉnh HB cấp ngày 26 tháng 6 năm 2014, đứng tên người sử dụng đất: Ông Triệu Văn Đ và bà Nguyễn Thị M. Địa chỉ thửa đất: Xóm NT, xã N, huyện C P, tỉnh HB và các tài sản khác gắn liền trên đất là các cây cối cùng các công trình phụ như nhà tắm, nhà vệ sinh, bể nước.

2.1. Chia cho chị Nguyễn Thị M được hưởng 05m mặt đường, tính từ đường liên xã N đi xã Dũng Phong, phía sau cũng là 05m. Vị trí đất cụ thể giao cho chị Nguyễn Thị M như sau:

- Phía đông: Giáp đường liên xã N đi xã Dũng Phong cạnh chiều rộng mặt đường là 05m;
- Phía Tây: Giáp thửa đất nhà ông Triệu Ngọc T cạnh chiều rộng là 05m;
- Phía Nam: Giáp thửa đất chia cho anh Triệu Anh T cạnh chiều dài 24,61m.
- Phía Bắc: Giáp thửa đất nhà ông Triệu Văn T cạnh chiều dài 24,06m;

2.2. Chia cho anh Triệu Anh T được hưởng 07m mặt đường, tính từ đường liên xã N đi xã Dũng Phong, phía sau cũng là 07m. Vị trí đất cụ thể giao cho anh Triệu Anh T như sau:

- Phía đông: Giáp đường liên xã N đi xã Dũng Phong cạnh chiều rộng mặt đường là 07m;
- Phía Tây: Giáp thửa đất nhà ông Triệu Ngọc T cạnh chiều rộng là 07m;
- Phía Nam: Giáp thửa đất anh Triệu Văn Đ cạnh chiều dài 25,39m.
- Phía Bắc: Giáp thửa đất nhà chị M cạnh chiều dài 24,61m;

2.3. Anh Triệu Văn Đ được hưởng toàn bộ phần còn lại của thửa đất sau khi đã chia cho chị M và anh T.

2.4. Về phần tài sản trên đất: Gồm các công trình phụ như nhà tắm, bể nước, cây cối và hoa màu. Sau khi đo đạc cắm mốc giới, tài sản nằm trên đất của ai thì người đó được hưởng.

**3. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị M và anh Triệu Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Nguyễn Thị M số tiền 11.000.000đ (*Mười một triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0002917 ngày 10/6/2024 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện C P, tỉnh HB.

**4.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**5.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh HB;
- VKSND H. C P;
- THADS H.C P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trần Đức Thịnh**